

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đồng Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 832/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Trần Thanh T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do có sự bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau. Do không thể tiếp tục sống chung được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Thời gian chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 09/6/2019 hiện đang ở cùng anh H. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến hay cãi nhau. Chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, do anh còn tình cảm vợ chồng với chị T.

Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày, trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của chị T cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết trong cùng vụ án, anh sẽ khởi kiện khi không thoả thuận được với chị T.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thanh T: Chấp nhận cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn H; anh H nuôi con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 09/6/2019; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không giải quyết; chị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực, nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian chị T và anh H chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, đôi bên không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không thể tiếp tục sống chung được và cương quyết ly hôn với anh H, trong khi đó anh H không đồng ý ly hôn nhưng vẫn chưa tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nghiêm trọng hơn là chị T và anh H đã tự sống riêng với nhau. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 09/6/2019; sau khi ly hôn chị T và anh H đều có yêu cầu nuôi. Xét thấy, cả chị

T và anh H đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, qua xác minh thời gian chị T và anh H không còn ở chung thì cháu K do anh H trực tiếp nuôi; cháu được đi học và phát triển bình thường; anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho con tốt về mọi mặt như sinh hoạt, tinh thần và cả vật chất; quá trình anh H nuôi con không bị ai yêu cầu hoặc phản ánh gì; để không làm xáo trộn môi trường sống của con, nên tiếp tục giao Phạm Hoàng K cho anh H nuôi là đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu, nên không giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Anh H nuôi con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 09/6/2019 hiện đang ở cùng anh H. Về cấp dưỡng cho con anh H không yêu cầu, nên không giải quyết.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh H.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và anh H có quyền yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004237 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Sông Đốc (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô